**TRẮC NGHIỆM ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ 2 MÔN TOÁN - LỚP 11**

**Câu 1 (NB):** – Nhận biết được khái niệm luỹ thừa với số mũ nguyên của một số thực khác 0

**Câu 1.1:** Cho . Khẳng định nào sau đây đúng?

**A. ** **B.  C. ** **D. **

**Câu 1.2:** Cho . Khẳng định nào sau đây đúng?

**A. ** **B.  C. ** **D. **

**Câu 1.3:** Cho . Khẳng định nào sau đây đúng?

**A. ** **B.  C. ** **D. **

**Câu 1.4:** Cho . Khẳng định nào sau đây đúng?

**A. ** **B.  C. ** **D. **

**Câu 2 (NB):** Nhận biết được luỹ thừa với số mũ hữu tỉ, luỹ thừa với số mũ thực của một số thực dương.

**Câu 2.1:** Cho  là số thực dương khác . Khi đó  bằng

**A.** . **B.** . **C.** . **D.** .

**Câu 2.2:** Cho  là số thực dương khác . Khi đó  bằng

**A.** . **B.** . **C.** . **D.** .

**Câu 2.3:** Cho  là số thực dương khác . Khi đó  bằng

**A.** . **B.** . **C.** . **D.** .

**Câu 2.4:** Cho ,  là số thực dương khác . Khi đó  bằng

**A.** . **B.** . **C.** . **D.** .

**Câu 3 (TH):** – Áp dụng được các tính chất của phép tính luỹ thừa với số mũ thực.

**Câu 3.1:** Cho . Khẳng định nào sau đây đúng?

**A. ** **B.  C. ** **D. **

**Câu 3.2:** Cho . Khẳng định nào sau đây đúng?

**A. ** **B.  C. ** **D. **

**Câu 3.3:** Cho . Khẳng định nào sau đây đúng?

**A. ** **B.  C. ** **D. **

**Câu 3.4:** Cho . Khẳng định nào sau đây đúng?

**A. ** **B.  C. ** **D. **

**Câu 4 (NB):** –Nhận biết được khái niệm lôgarit cơ số *a* (*a* > 0, *a* ≠ 1) của một số thực dương.

**Câu 4.1:** Cho . Khẳng định nào sau đây đúng?

**A.**  **B.** 

**C.**  **D.** 

**Câu 4.2:** Cho . Khẳng định nào sau đây đúng?

**A.**  **B.** 

**C.**  **D.** 

**Câu 4.3:** Cho . Khẳng định nào sau đây đúng?

**A.**  **B.** 

**C.**  **D.** 

**Câu 4.4:** Cho . Khẳng định nào sau đây đúng?

**A.**  **B.** 

**C.**  **D.** 

**Câu 5 (TH):** Áp dụng được các tính chất lôgarit lũy thừa.

**Câu 5.1:** Cho  Chọn khẳng định đúng. ?

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

**Câu 5.2:** Cho  Chọn khẳng định đúng. ?

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

**Câu 5.3:** Cho  Chọn khẳng định đúng. ?

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

**Câu 5.4:** Cho  Chọn khẳng định đúng. ?

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

**Câu 6 (TH):** Áp dụng được các tính chất cộng trừ lôgarit.

**Câu 6.1:** Với các số thực dương  bất kì. Khẳng định nào sau đây đúng?

**A.**  **B.** 

**C.**  **D.** .

**Câu 6.2:** Với các số thực dương  thõa mãn . Khẳng định nào sau đây đúng?

**A.**  **B.** 

**C.**  **D.** .

**Câu 6.3:** Với các số thực dương  thõa mãn  . Khẳng định nào sau đây đúng?

**A.**  **B.** 

**C.**  **D.** .

**Câu 6.4:** Với các số thực dương  thõa mãn  . Khẳng định nào sau đây đúng?

**A.**  **B.** 

**C.**  **D.** .

**Câu 7 (VD):** Sử dụng tổng hợp các tính chất của phép tính lôgarit, công thức đổi cơ số để tính toán, rút gọn các biểu thức chứa biến

**Câu 7.1:** Cho  là các số thực dương thỏa mãn ,  và . Tính .

**A.** . **B.** . **C.** . **D.** .

**Câu 7.2:** Cho  là các số thực dương thỏa mãn ,  và . Tính .

**A.** . **B.** . **C.** . **D.** .

**Câu 7.3:** Cho  là các số thực dương thỏa mãn ,  và . Tính .

**A.** . **B.** . **C.** . **D.** .

**Câu 7.4:** Cho  là các số thực dương thỏa mãn ,  và . Tính .

**A.** . **B.** . **C.** . **D.** .

**Câu 8 (VD):** Sử dụng tổng hợp các tính chất của phép tính lôgarit, công thức đổi cơ số để tính toán, rút gọn các biểu thức chứa biến

**Câu 8.1:** Rút gọn biểu thức 

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

**Câu 8.2:**Cho  và . Tính .

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

**Câu 8.3:** Cho  với  là các số thực lớn hơn 1. Tính 

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

**Câu 8.4:** Cho  và . Khẳng định **đúng** là

**A. **. **B. **. **C. **. **D. **.

**Câu 9 (NB):** Nhận biết được hàm số mũ và hàm số lôgarit.

**Câu 9.1:** Trong các hàm số sau, hàm số nào là hàm số mũ?

**A.  B.  C.  D. **

**Câu 9.2:** Trong các hàm số sau, hàm số nào là hàm số mũ?

**A.  B.  C.  D. **

**Câu 9.3:** Trong các hàm số sau, hàm số nào là hàm số mũ?

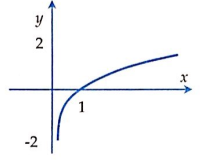
**A.  B.  C.  D. **

**Câu 9.4:** Trong các hàm số sau, hàm số nào là hàm số mũ?

**A.  B.  C.  D. **

**Câu 10 (NB):** Nhận dạng được miền xác định. Tính tăng giảm của đồ thị của các hàm số mũ, hàm số lôgarit.

**Câu 10.1:** Hàm số nào trong các hàm số sau đây có đồ thị phù hợp với hình vẽ bên?



**A.**   **B.**   **C.**   **D.** 

**Câu 10.2:**Tìm tập xác định  của hàm số 

**A.**  **B.** 

**C.**  **D.** 

**Câu 10.3:**Tập xác định của  là:

**A.**  B. **C.**  **D.** 

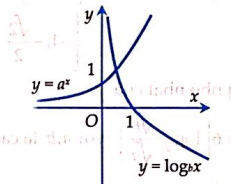
**Câu 10.4:** Mệnh đề nào trong các mệnh đề dưới đây sai?

**A.** Hàm số  đồng biến trên . **B.** Hàm số  đồng biến trên .

**C.** Hàm số  nghịch biến trên khoảng . **D.** Hàm số  đồng biến trên .

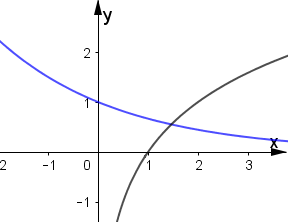
**Câu 11 (TH):** Giải thích được các tính chất của hàm số mũ, hàm số lôgarit thông qua đồ thị của chúng.

**Câu 11.1:** Cho . Đồ thị các hàm số  và  được cho như hình vẽ bên. Khẳng định nào sau đây đúng?



**A.**  **B.**   **C.**  **D.** 

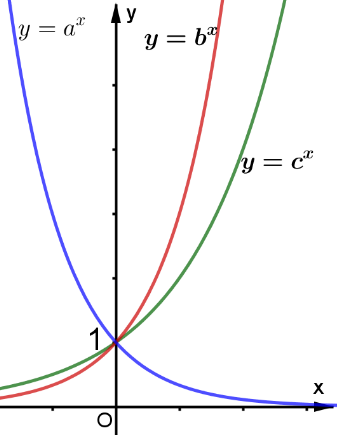
**Câu 11.2:** Cho đồ thị hàm số  và  như hình vẽ.



Khẳng định nào sau đây đúng?

**A.** . **B.** . **C.** . **D.** , .

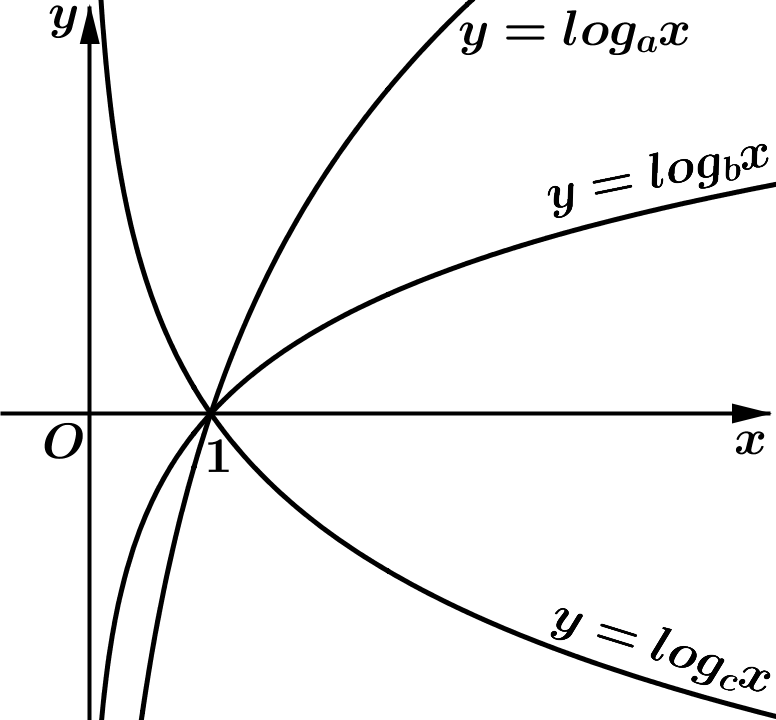
**Câu 11.3:** Cho ba số thực dương  khác . Đồ thị các hàm số  được cho trong hình vẽ bên



Mệnh đề nào dưới đây đúng?

**A.**  **B.**  **C.  D.** 

**Câu 11.4:** Cho  là các số thực dương khác 1. Hình vẽ bên là đồ thị của ba hàm số ****.



Khẳng định nào sau đây là đúng?

**A. **. **B. **. **C. **. **D. **.

**Câu 12 (TH):** Giải được phương trình mũ đơn giản

**Câu 12.1:** Nghiệm của phương trình là:

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

**Câu 12.2:Tập n**ghiệm của bất phương trình là:

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

**Câu 12.3:** Nghiệm của phương trình là:

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

**Câu 12.4:** Nghiệm của phương trình là:

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

**Câu 13 (TH):** Giải được phương trình lôgarit dạng đơn giản

**Câu 13.1:** Nghiệm của phương trình  là:

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

**Câu 13.2: Tập** nghiệm của phương trình là :

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

**Câu 13.3:** Tập nghiệm của phương trình  là

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

**Câu 13.4:** Tập nghiệm của phương trình  là:

**A.** . **B.** . **C.**  **D.** .

**Câu 14 (TH):** Giải được bất phương trình mũ, lôgarit ở dạng đơn giản

**Câu 14.1:Tập n**ghiệm của bất phương trình là:

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

**Câu 14.2:** Tập nghiệm của bất phương trình  là:

**A.  B.  C.  D. **

**Câu 14.3:** Giải bất phương trình .

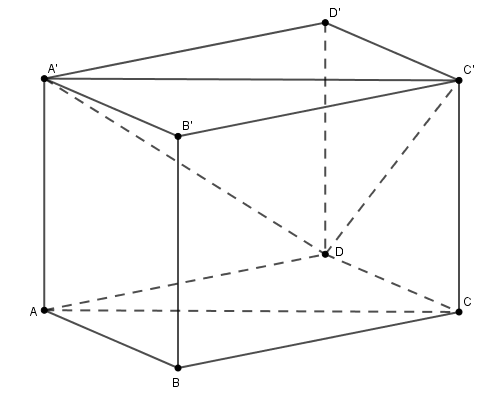
**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

**Câu 14.4 :** Tìm tập nghiệm  của bất phương trình 

**A.** . **B.** . **C.** . **D.** .

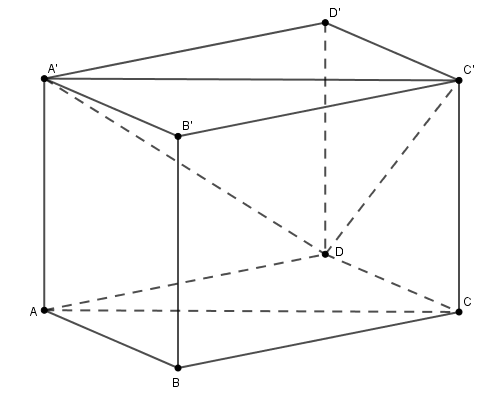
**Câu 15 (NB):** Nhận biết được góc giữa hai đường thẳng trong không gian.

**Câu 15.1:** Cho hình hộp  (tham khảo hình vẽ). Góc giữa hai đường thẳng  và là góc giữa hai đường thẳng nào sau đây?



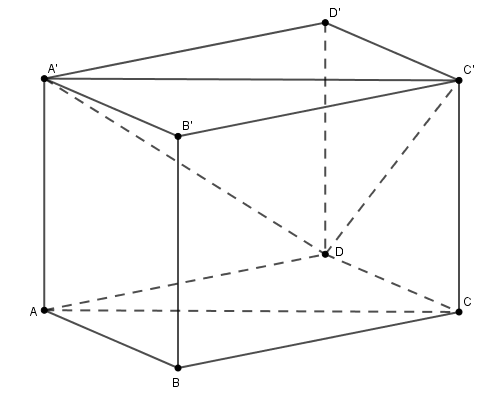
**A.**  và  **B.**  và  **C.**  và  **D.**  và 

**Câu 15.2:** Cho hình lập phương  (tham khảo hình vẽ). Khẳng định nào sau đây đúng.?



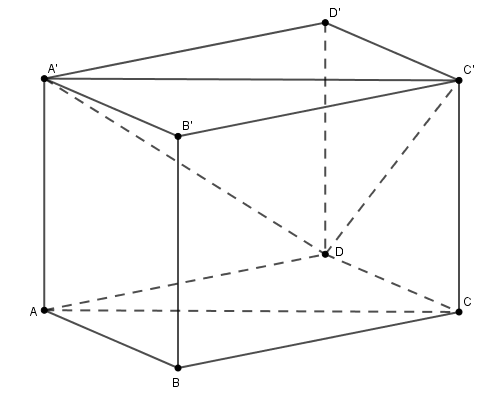
**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

**Câu 15.3:** Cho hình hộp  (tham khảo hình vẽ) có tất cả các cạnh bằng nhau. Khẳng định nào sau đây sai.?



**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

**Câu 15.4:** Cho hình hộp  (tham khảo hình vẽ) có tất cả các cạnh bằng nhau. Khẳng định nào sau đây đúng.?



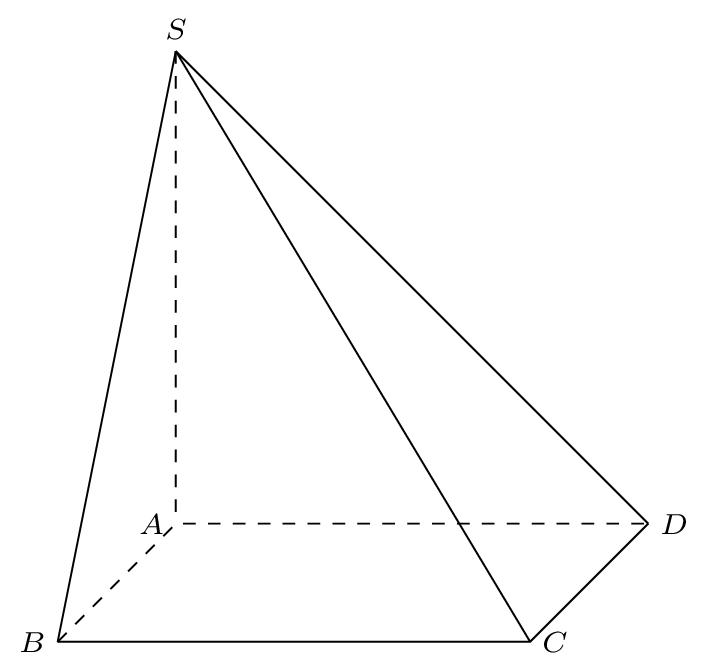
**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

**Câu 16 (NB):** Nhận biết được khái niệm hai đường thẳng vuông góc trong không gian.

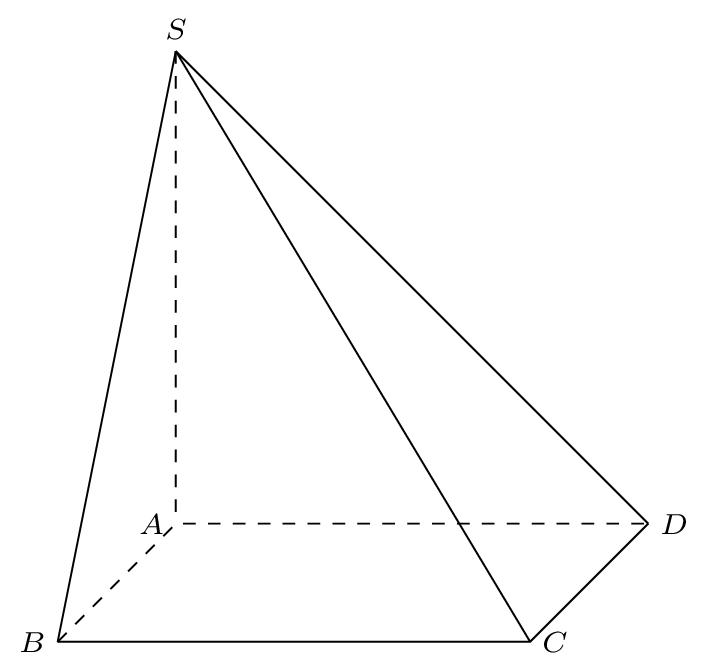
**Câu 16.1:** Hai đường thẳng  và  được gọi là vuông góc với nhau nếu

**A.** góc giữa chúng bằng  **B.** góc giữa chúng bằng 

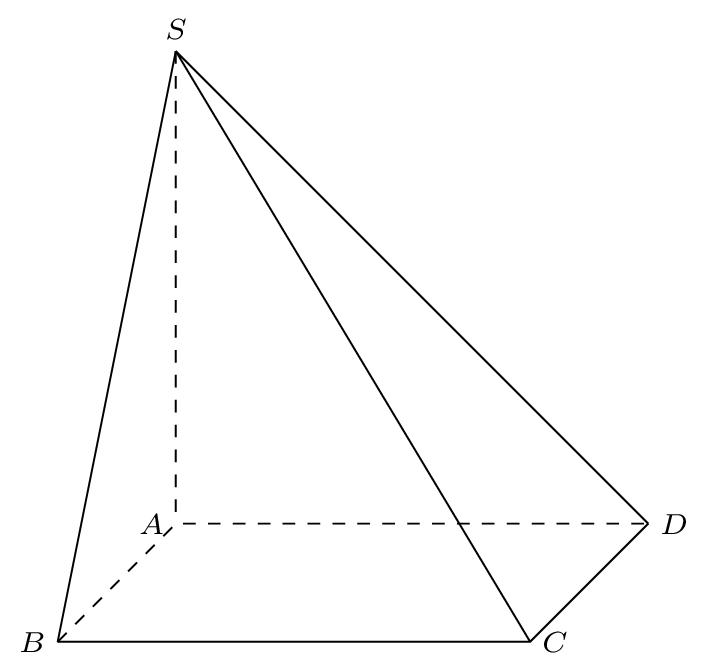
**C.** góc giữa chúng bằng  **D.** góc giữa chúng bằng 

**Câu 16.2:**Cho hình chóp có đáy ABCD là hình bình hành. Gọi  và  lần lượt là trung điểm của các cạnh  và , tam giác SAB vuông cân tại S. Góc bằng:

**A.**  **B.**   **C.**   **D.** 

**Câu 16.3:**Cho hình chóp có đáy là hình vuông . Gọi  và  lần lượt là trung điểm của các cạnh  và , tam giác SAB vuông cân tại S. Góc bằng:

**A.**  **B.**   **C.**   **D.** 

**Câu 16.4:**Cho hình chóp có đáy là hình vuông . Gọi  và  lần lượt là trung điểm của các cạnh  và , tam giác SAB vuông cân tại S. Góc bằng:

**A.**  **B.**   **C.**   **D.** 

**Câu 17 (VD):** Chứng minh được hai đường thẳng vuông góc trong không gian trong một số trường hợp đơn giản.

**Câu 17.1:**Cho hình chóp có đáy là hình chữ nhật, SA vuông góc B**C.** Chọn khẳng định đúng:

**A.**Tam giác SBC vuông tại B **B.** Tam giác SBC vuông tại S

**C.** Tam giác SBC vuông tại C  **D.** Tam giác SBC vuông cân.

**Câu 17.2:**Cho hình lập phương . Chọn khẳng định đúng:

**A.**Tam giác EHC vuông tại H **B.** Tam giác EHC vuông cân.

**C.** Tam giác FHA vuông  **D.** Tam giác EBD vuông cân.

**Câu 17.3:**Cho hình hộp chữ nhật . Chọn khẳng định đúng:

**A.**Tam giác FGD vuông  **B.** Tam giác EHC vuông tại C

**C.** Tam giác FHA vuông  **D.** Tam giác EBD vuông tại **B.**

**Câu 17.4:**Cho hình chóp có đáy là hình thoi, SA vuông góc BC, SA vuông góc với C**D.** Chọn khẳng định đúng:

**A.**Tam giác SAC vuông.  **B.** Tam giác SBD vuông.

**C.** Tam giác SBC vuông.  **D.** Tam giác SCD vuông.

**Câu 18 (VD):** Chứng minh được hai đường thẳng vuông góc trong không gian trong một số trường hợp đơn giản.

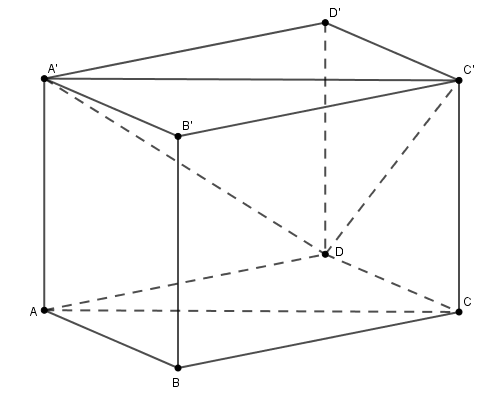
**Câu 18.1:** Cho tứ diện  có . Gọi  lần lượt là trung điểm của Góc giữa và là: **A.** **.** **B.** **.** **C.**  **.** **D.** .

**Câu 18.2:** Cho tứ diện  có . Gọi  lần lượt là trung điểm của 

Góc giữa và là: **A.** **.B.** **.** **C.**  **.** **D.** .

**Câu 18.3:** Cho tứ diện  có  . Gọi  lần lượt là trung điểm của . Góc giữa và là: **A.** **.B.** **.C.**  **.** **D.** .

**Câu 18.4:** Cho hình lập phương , O, O’ lần lượt là tâm của các hình vuông . Khẳng định nào sau đây đúng.?



**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

**Câu 19 (NB):**  Nhận biết được đường thẳng vuông góc với mặt phẳng.

**Câu 19.1:** Cho hình chóp tam giác đều , gọi là trung điểm của   là trọng tâm của tam giác (tham khảo hình vẽ). Khẳng định nào dưới đây đúng?

****

**A.  B.  C.  D. **

**Câu 19.2:** Cho hình chóp tam giác .  là các tam giác đều,  là trọng tâm tam giác . Khẳng định nào dưới đây đúng?

**A.  B.  C.  D. **

**Câu 19.3:** Cho tứ diện  có AB,AC,AD vuông góc và bằng nhau từng đôi một. I,J,K lần lượt là trung điểm CD, BD và B**C.** Chọn khẳng định đúng.

**A.  B.  C.  D. **

**Câu 19.4:** Cho tứ diện  có AB,AC,AD vuông góc với nhau từng đôi một. Chọn khẳng định sai.

**A.  B.  C.  D. **

**Câu 20 (NB):**  Nhận biết được đường thẳng vuông góc với mặt phẳng.

**Câu 20.1:** Chohình lăng trụ đứng . Mệnh đề nào sau đây đúng?

**A.  B. **

**C.  D. **

**Câu 20.2:** Chohình lăng trụ đứng  có đáy ABCD là hình chữ nhật. Khẳng định nào sau đây đúng?

**A.  B. **

**C.  D. **

**Câu 20.3:** Chohình lăng trụ đứng  có đáy ABCD là hình vuông. Chọn khẳng định sai?

**A.  B. **

**C.  D. **

**Câu 20.4:** Cho hình chóp có đáy là hình vuông . SA vuông góc với mặt phẳng . Chọn khẳng định đúng.?

**A.**  **B.**   **C.**   **D.** 

**Câu 21 (TH):** Chứng minh được đường thẳng vuông góc với mặt phẳng, giải thích được được mối liên hệ giữa tính song song và tính vuông góc của đường thẳng và mặt phẳng.

**Câu 21.1:** Cho hai đường thẳng phân biệt  và mặt phẳng  trong đó . Khẳng định nào sau đây **sai**?

**A.** Nếu  thì . **B.** Nếu  thì .

**C.** Nếu  thì . **D.** Nếu  thì .

**Câu 21.2:** Khẳng định nào sau đây **sai**?

**A.** Nếu đường thẳng  vuông góc với mặt phẳng  thì  vuông góc với hai đường thẳng trong mặt phẳng .

**B.** Nếu đường thẳng  vuông góc với hai đường thẳng nằm trong mặt phẳng  thì  vuông góc với mặt phẳng .

**C.** Nếu đường thẳng  vuông góc với hai đường thẳng cắt nhau nằm trong mặt phẳng  thì  vuông góc với bất kỳ đường thẳng nào nằm trong mặt phẳng .

**D.** Nếu  và đường thẳng  thì .

**Câu 21.3:** Cho hai đường thẳng phân biệt  và mặt phẳng . Chọn khẳng định đúng?

**A.** Nếu  và  thì . **B.** Nếu  và  thì .

**C.** Nếu  và  thì . **D.** Nếu  và  thì .

**Câu 21.4:** Cho hình chóp  có đáy là hình bình hành tâm , . Trong các khẳng định sau khẳng định nào đúng?

**A.** . **B.** . **C.** . **D.** .

**Câu 22 (NB):**Nhận biết được khái niệm phép chiếu vuông góc.

**Câu 22.1:** Cho hình chóp  có đáy là hình vuông, . Hình chiếu của  lên là điểm nào sau đây?

**A.**  **B.** . **C.**  **D.** 

**Câu 22.2:** Cho hình chóp  có đáy là hình vuông, . Hình chiếu của  lên là điểm nào sau đây?

**A.**  **B.** . **C.**  **D.** 

**Câu 22.3:** Cho hình lập phương , O, O’ lần lượt là tâm của các hình vuông . Hình chiếu của  lên là điểm nào sau đây?

**A.**  **B.** . **C.**  **D.** 

**Câu 22.4:** Cho hình hộp chữ nhật, O, O’ lần lượt là tâm của các mặt  và . Hình chiếu của  lên  là điểm nào sau đây?

**A.**  **B.** . **C.**  **D.** 

**Câu 23 (NB):** Nhận biết được khái niệm góc giữa đường thẳng và mặt phẳng.

**Câu 23.1:** Cho tứ diện  có . Khi đó góc giữa đường thẳng và mặt phẳng  là góc giữa hai đường thẳng:

**A.**  và  **B.**  và  **C.**  và  **D.**  và 

**Câu 23.2:** Cho tứ diện  có . Khi đó góc giữa đường thẳng và mặt phẳng  là góc giữa hai đường thẳng:

**A.**  và  **B.**  và  **C.**  và  **D.**  và 

**Câu 23.3:** Cho hình chóp  có  khi đó góc giữa đường thẳng và mặt phẳng  là góc giữa hai đường thẳng:

**A.**  và  **B.**  và  **C.**  và  **D.**  và 

**Câu 23.4:** Cho hình chóp  có ,là hình chữ nhật khi đó góc giữa đường thẳng và mặt phẳng  là góc giữa hai đường thẳng:

**A.**  và  **B.**  và  **C.**  và  **D.**  và 

**Câu 24 (TH):** Xác định được hình chiếu vuông góc của một điểm, một đường thẳng

**Câu 24.1:** Cho hình chóp  có và tam giác  vuông tại . Gọi  là hình chiếu vuông góc  lên mặt phẳng . Khẳng định nào sau đây là khẳng định đúng?

**A.**  là trung điểm của cạnh . **B.**  là trọng tâm tam giác .

**C.**  là trực tâm tam giác . **D.**  là trung điểm của cạnh .

**Câu 24.2:** Cho hình chóp  có và tam giác đều. Gọi  là hình chiếu vuông góc  lên mặt phẳng . Khẳng định nào sau đây là khẳng định đúng?

**A.**  là trung điểm của cạnh . **B.**  là trọng tâm tam giác .

**C.**  là trung điểm của cạnh . **D.**  là trung điểm của cạnh .

**Câu 24.3:** Cho hình chóp  có , Gọi  là hình chiếu vuông góc của S lên mặt phẳng . Khẳng định nào sau đây là khẳng định đúng?

**A.**  là tâm đường tròn ngoại tiếp tứ giác **B.**  là giao điểm của AC và BD

**C.**  là trọng tâm tam giác . **D.**  là trọng tâm tam giác .

**Câu 24.4:** Cho hình chóp  có , là hình chữ nhật, Gọi  là hình chiếu vuông góc của S lên mặt phẳng . Khẳng định nào sau đây là khẳng định đúng?

**A.**  là trọng tâm tam giác **B.**  là giao điểm của AC và BD

**C.**  là trọng tâm tam giác . **D.**  là trọng tâm tam giác .

**Câu 25 (TH):** Giải thích được được định lí ba đường vuông góc.

**Câu 25.1:** Cho hình chóp tam giác đều , gọi là trung điểm của   là trọng tâm của tam

giác . Khẳng định nào dưới đây đúng?

**A. **. **B.  C.  D. **.

**Câu 25.2:** Cho hình chóp  có ,là hình chữ nhật. Khẳng định nào dưới đây đúng?

**A. **. **B.  C.  D. **.

**Câu 25.3:** Cho hình chóp  có ,là hình thoi. Khẳng định nào dưới đây đúng?

**A. **. **B.  C.  D. **.

**Câu 25.43:** Cho hình chóp  có ,là hình vuông. Khẳng định nào dưới đây đúng?

**A. **. **B.  C.  D. **.

**Câu 26 (NB):** Nhận biết được hai mặt phẳng vuông góc trong không gian.

**Câu 26.1:** Cho hình chóp  có đáy ,  và . Khẳng định nào sau đây đúng?

**A.** **B.**  **C.**  **D.** 

**Câu 26.2:** Cho hình chóp  có đáy  là hình thoi tâm ;. Khẳng định nào sau đây đúng?

**A.** **B.**  **C.**  **D.** 

**Câu 26.3:** Cho hình chóp  có đáy  là hình nhật tâm ;. Khẳng định nào sau đây đúng?

**A.** **B.**  **C.**  **D.** 

**Câu 26.4:** Cho hình chóp  có đáy  là tam giác đều có trọng tâm ;. Khẳng định nào sau đây sai?

**A.** **B.**  **C.**  **D.** 

**Câu 27 (NB):** Nhận biết được các tính chất hình chóp cụt đều.

**Câu 27.1:** Các mặt bên của hình chóp cụt đều là hình gì?

**A.** Tứ giác. **B.** Hình thang cân. **C.** Hình bình hành. **D.** Tam giác cân.

**Câu 27.2: Đáy của** hình chóp cụt đềulà hình gì?

**A.** Vuông. **B.** Đa giác đều. **C.** Hình bình hành. **D.** Hình thoi.

**Câu 27.3: đường thẳng đi qua tâm của hai đáy của** hình chóp cụt đều **có tính chất:**

**A.** Vuông góc với các mặt phẳng chứa đáy. **B.** Vuông góc với các cạnh bên .

**C.** Song song với các cạnh bên. **D.** Vuông góc với các mặt phẳng chứa mặt bên.

**Câu 27.4: Đường thẳng đi qua tâm của hai đáy của** hình chóp cụt đều **có tính chất:**

**A.** Cắt các cạnh bên. **B.** Vuông góc với các cạnh bên .

**C.** Song song với các cạnh bên. **D.** Không có điểm chung với các cạnh bên.

**Câu 28 (TH):** Chứng minh được hai mặt phẳng vuông góc, sử dụng được điều kiện hai mặt phẳng vuông góc để chứng minh.

**Câu 28.1:** Khẳng định nào sau đây đúng?

**A.**  **B.** **C.**  **D.** 

**Câu 28.2:** Cho hình chóp  có đáy là hình chữ nhật, . Trong các khẳng định sau: **I/**  **II/**  **III/** 

có bao nhiêu khẳng định đúng?  **A.** 2 **B.** 1 **C.** 3  **D.** 0

**Câu 28.3:** Cho hình chóp  có đáy là hình vuông, . Trong các khẳng định sau: **I/**  **II/**  **III/** 

có bao nhiêu khẳng định đúng? **A.** 3 **B.** 1 **C.** 2  **D.** 0

**Câu 28.4:** Cho hình chóp  có đáy là hình thoi, . Trong các khẳng định sau: **I/**  **II/**  **III/** 

có bao nhiêu khẳng định đúng? **A.** 3 **B.** 1 **C.** 2  **D.** 0

**Câu 29 (NB):** Nhận biết được đường vuông góc chung của hai đường thẳng chéo nhau.

**Câu 29.1:** Khoảng cách giữa hai đường thẳng chéo nhau là

**A.** độ dài đoạn vuông góc chung của hai đường thẳng đó.

**B.** độ dài đoạn vuông góc của hai đường thẳng đó.

**C.** khoảng cách từ 1 điểm bất kỳ của đường thẳng này đến đường thẳng kia.

**D.** khoảng cách từ 1 điểm bất kỳ của đường thẳng đến mặt phẳng.

**Câu 29.2:** Cho hình chóp  có đáy là hình thoi tâm O, . Khoảng cách giữa hai đường thẳng  và  là:

**A.** Độ dài đoạn  **B.** Độ dài đoạn  **C.** Độ dài đoạn  **D.** Độ dài đoạn 

**Câu 29.3:** Cho hình chóp  có đáy là hình chữ nhật tâm O, . Khoảng cách giữa hai đường thẳng  và là:

**A.** Độ dài đoạn  **B.** Độ dài đoạn  **C.** Độ dài đoạn  **D.** Độ dài đoạn 

**Câu 29.4:** Cho hình chóp  có đáy là hình vuông tâm O, cạnh bên và cạnh đáy bằng a, . Khoảng cách giữa hai đường thẳng  và là:

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

**Câu 30 (TH):** Xác định được khoảng cách từ một điểm đến một mặt phẳng

**Câu 30.1:** Cho tứ diện đều  cạnh . Gọi  là trọng tâm của tam giác . Khoảng cách từ điểm  đến mặt phẳng  là:

**A.**  **B.**  **C.**  **D. **

**Câu 30.2:** Cho hình chóp có tất cả các cạnh bằng . Khoảng cách từ điểm  đến mặt phẳng  bằng:

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

**Câu 30.3:** Cho hình chóp có tất cả các cạnh bằng . Khoảng cách từ điểm  đến mặt phẳng  bằng:

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

**Câu 30.4:** Cho tứ diện đều  cạnh . Khoảng cách từ điểm  đến mặt phẳng  là:

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

**Câu 31 (TH):**Xác định khoảng cách giữa hai đường thẳng song song; khoảng cách giữa đường thẳng và mặt phẳng song song.

**Câu 31.1:** Cho hình chóp S.ABCD có đáy là hình vuông tâm O cạnh là  SA vuông góc với mặt phẳng chứa đáy và . Khoảng cách từ điểm  đến  là

**A.  B.  C.  D. **

**Câu 31.2:** Cho hình chóp S.ABCD có đáy là hình vuông tâm O cạnh là  SA vuông góc với mặt phẳng chứa đáy và . Khoảng cách từ điểm  đến  là

**A.  B.  C.  D. **

**Câu 31.3:** Cho hình chóp S.ABCD có đáy là hình vuông tâm O cạnh là  SA vuông góc với mặt phẳng chứa đáy và . Khoảng cách từ điểm  đến  là

**A.  B.  C.  D. **

**Câu 31.4:** Cho hình chóp S.ABCD có đáy là hình vuông tâm O cạnh là  ,SA vuông góc với mặt phẳng chứa đáy và . Khoảng cách từ điểm  đến  là

**A.  B.  C.  D. **

**Câu 32 (TH):** Xác định giữa hai đường thẳng chéo nhau, khoảng cách giữa hai mặt phẳng song song.

**Câu 32.1:** Cho hình lập phương  cạnh  . Khoảng cách giữa hai đường thẳng  và bằng: **A. B. C. D.**

**Câu 32.2:** Cho hình hộp có tất cả các mặt bên là hình vuông cạnh , tam giác ABD đều . Khoảng cách giữa hai đường thẳng  và bằng:

**A. B. C. D.**

**Câu 32.3:** Cho hình hộp chữ nhật có  Khoảng cách giữa hai đường thẳng  và bằng:

**A.  B. C.4 D.3**

**Câu 32.4:** Cho hình hộp chữ nhật , có   Khoảng cách giữa hai đường thẳng  và bằng:

**A.  B. C.4 D.3**

**Câu 33 (VD):** Tính được khoảng cách giữa hai đường thẳng chéo nhau trong những trường hợp đơn giản

**Câu 33.1:** Cho hình chóp  có đáy là hình vuông cạnh . Đường thẳng , . Tính khoảng cách giữa hai đường thẳng  và .

**A. . B. . C. . D. .**

**Câu 33.2:** Cho hình chóp  có đáy là hình vuông cạnh . Đường thẳng , . Tính khoảng cách giữa hai đường thẳng  và .

**A. . B. . C. . D. .**

**Câu 33.3:** Cho hình chóp  có đáy là hình vuông cạnh , BH là đường cao tam giác SA**B.** Đường thẳng , . Tính khoảng cách giữa hai đường thẳng  và .

**A. . B. . C. . D. .**

**Câu 33.4:** Cho hình chóp , vuông góc từng đôi một và . Tính khoảng cách giữa hai đường thẳng  và .

**A. . B. . C. . D. .**

**Câu 34 (NB):** Nhận biết được công thức tính thể tích của khối chóp, khối lăng trụ, khối hộp, khối chóp cụt đều.

**Câu 34.1:** Thể tích của khối lăng trụ có diện tích đáy  và chiều cao  là:

**A.  B.  C.  D. **

**Câu 34.2:** Thể tích của khối chóp có diện tích đáy  và chiều cao  là:

**A.  B.  C.  D. **

**Câu 34.3:** Thể tích của khối hộp chữ nhật có  là:

**A.  B.  C.  D. **

**Câu 34.4:** Thể tích của khối hộp lập phương cạnh a là:

**A.  B.  C.  D. **

**Câu 35 (TH):**được thể tích của khối chóp, khối lăng trụ, khối hộp, khối chóp cụt đều trong một số tình huống đơn giản.

**Câu 35.1:** Thể tích của khối chóp tứ giác đều có tất cả các cạnh bằng a là:

**A.  B.  C.  D. **

**Câu 35.2:** Thể tích của khối lăng trụ tam có giác đều tất cả các cạnh bằng a là:

**A.  B.  C.  D. **

**Câu 35.3:** Thể tích của khối lăng trụ tứ giác đều có cạnh bên bằng cạnh đáy bằng a là:

**A.  B.  C.  D. **

**Câu 35.4:** Thể tích của khối chóp tam giác đều có cạnh bên bằng cạnh đáy bằng a là:

**A.  B.  C.  D. **